



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 20 tháng 07 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Mã chứng khoán: C32

Trụ sở chính: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3759.446 **Fax :** 0650.3755.605

Người thực hiện công bố thông tin: Lữ Minh Quân – Thư ký công ty

Địa chỉ: Ấp Chánh Long, xã Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0913777057 - 0650.3759446 **Fax :** 0650.3755605

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 công bố thông tin định kỳ về Báo cáo Tài chính quý II năm 2015.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20 tháng 07 năm 2015 tại đường dẫn <http://www.cic32.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo Tài chính quý II năm 2015 gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tt);
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
- Giải trình lợi nhuận.

LỮ MINH QUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

MST: 3700146225



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**QUÝ 2 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Thuận An, tháng 07/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		286.494.747.830	281.713.374.106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.629.378.856	9.861.328.609
1. Tiền	111		4.607.756.773	9.861.328.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.021.622.083	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.640.625.000	60.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	70.640.625.000	60.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.862.958.332	150.909.325.932
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	110.777.357.556	135.373.715.273
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.413.698.655	950.177.571
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	18.358.230.714	16.162.739.109
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.686.328.593)	(1.577.306.021)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		65.361.785.642	60.942.719.565
1. Hàng tồn kho	141	V.7	65.463.790.995	61.207.435.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(102.005.353)	(264.715.480)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiêt, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.429.513.631	91.653.067.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.754.685.587	85.986.930.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	37.301.431.963	38.227.231.208
<i>Nguyên giá</i>	222		100.767.003.042	98.202.770.015
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.465.571.079)	(59.975.538.807)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	47.453.253.624	47.759.699.410
<i>Nguyên giá</i>	228		79.099.887.427	78.805.887.427
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(31.646.633.803)	(31.046.188.017)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.334.523.184	753.452.925
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.334.523.184	753.452.925
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		200.887.800	200.887.800
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	200.887.800	200.887.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.139.417.060	4.711.796.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	9.139.417.060	4.711.796.632
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		381.924.261.461	373.366.442.081



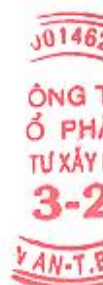
Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		99.563.673.073	113.116.213.859
I. Nợ ngắn hạn	310		99.563.673.073	113.116.213.859
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	23.284.490.558	28.677.728.872
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	5.084.354.123	8.505.807.030
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	26.557.612.656	27.312.875.935
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3.543.639.029	10.028.204.569
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	14.445.647.915	10.097.513.923
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	5.804.653.738	5.632.156.033
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	13.301.496.817	16.372.825.193
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	952.190.268	929.021.462
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	6.589.587.969	5.560.080.842
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÁI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		282.360.588.388	260.250.228.222
I. Vốn chủ sở hữu	410		282.360.588.388	260.250.228.222
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	112.000.000.000	112.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		112.000.000.000	112.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	75.176.884.813	55.789.784.378
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	95.183.703.575	92.460.443.844
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		54.607.058.111	20.656.368.160
LNST chưa phân phối kỳ này	421B		40.576.645.464	71.804.075.684
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		381.924.261.461	373.366.442.081



Đỗ Việt Cường
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2015

Võ Văn Lành
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

MST: 3700146225

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	129.722.749.149	108.042.394.314	235.812.746.063	203.513.509.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	129.722.749.149	108.042.394.314	235.812.746.063	203.513.509.329
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.877.495.291	81.761.107.125	172.634.860.709	152.634.165.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.845.253.858	26.281.287.189	63.177.885.354	50.879.343.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.005.782.981	1.572.063.517	2.705.165.170	2.377.179.805
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	864.133	72.033.737	44.878.955	475.579.290
Trong đó: chi phí lãi vay	23		864.133	72.033.737	44.878.955	475.579.290
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	2.919.412.573	2.528.026.330	4.150.339.313	4.188.494.970
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3.468.422.995	3.123.771.343	5.872.616.776	5.989.271.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.462.337.138	22.129.519.296	55.815.215.480	42.603.178.063
11. Thu nhập khác	31	VI.6	184.073.925	818.455.227	307.069.366	884.890.505
12. Chi phí khác	32	VI.7	619.841.544	45.080.000	651.965.695	215.240.325
13. Lợi nhuận khác	40		(435.767.619)	773.375.227	(344.896.329)	669.650.180

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

MST: 3700146225

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.026.569.519	22.902.894.523	55.470.319.151	43.272.828.243
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	8.800.288.726	5.098.912.459	14.893.673.687	9.651.354.120
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.226.280.793</u>	<u>17.803.982.064</u>	<u>40.576.645.464</u>	<u>33.621.474.123</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.717</u>	<u>1.590</u>	<u>3.623</u>	<u>3.002</u>



Đỗ Việt Cường
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2015



Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo Phương Pháp trực tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		268.856.851.709	216.847.274.186
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(167.160.771.154)	(129.006.266.995)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.293.981.397)	(27.069.803.091)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	V.20, VII	(44.878.955)	(959.913.802)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.18	(13.648.944.465)	(17.528.719.883)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.964.799.284	3.837.114.221
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.108.679.702)	(26.063.652.591)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><i>37.564.395.320</i></u>	<u><i>20.056.032.045</i></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10-12, VII	(2.345.786.000)	(940.687.035)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	715.563.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(47.140.625.000)	(51.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.500.000.000	22.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.701.394.303	2.339.952.672
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><i>(10.285.016.697)</i></u>	<u><i>(27.085.170.727)</i></u>

1146
 NG 1
 PH
 XÂY
 3-2
 IN-T.B

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

MST: 3700146225

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ Phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ Phiếu của doanh nghiệp đã Phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	23.037.010.461	68.048.652.994
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15,24	(26.108.338.837)	(81.361.703.791)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21, 25	(13.440.000.000)	(13.439.400.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(16.511.328.376)</i></u>	<u><i>(26.752.450.797)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10.768.050.247	(33.781.589.479)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.861.328.609	38.118.698.848
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	<u>20.629.378.856</u>	<u>4.337.109.369</u>



Đỗ Việt Cường
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2015

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

25-G...
Y
N
UNG
NH DUF

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, thương mại, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất đá, bê tông, gạch; Xây dựng các công trình; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe, cho thuê công cụ dụng cụ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không có ảnh hưởng

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 có trụ sở chính đặt tại số: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam;

Mã số doanh nghiệp: 3700146225

Công ty có các chi nhánh trực thuộc sau:

- **Xí nghiệp Đá xây dựng:** Địa chỉ số 635/1A Quốc lộ 1K, Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương; Mã số chi nhánh: 3700146225-001; Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất đá, gạch bê tông tự chèn.

- **Xí nghiệp Công bê tông:** Địa chỉ số 5/138 Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương; Mã số chi nhánh: 3700146225-002; Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất công bê tông và gạch Terrazzo.

- **Sàn giao dịch Bất động sản:** Địa chỉ số 45A đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương; Mã số chi nhánh: 3700146225-003; Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản.

- **Xí nghiệp Xây lắp:** Địa chỉ số 9C đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương; Mã số chi nhánh: 3700146225-004; Hoạt động kinh doanh chính là xây dựng các công trình.

Công ty có các địa điểm kinh doanh trực thuộc sau:

- **Xưởng Bê tông Long Nguyên:** Địa chỉ số 216B, ấp Bưng Thuộc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương; Mã số chi nhánh: 3700146225-005; Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất công bê tông.

- **Trung tâm Kinh doanh Vật liệu xây dựng 279:** Địa chỉ số 1/278, đường 22 tháng 12, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương; Mã số chi nhánh: 3700146225-006; Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh vật liệu xây dựng và cho thuê công cụ dụng cụ xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty tổ chức mô hình kế toán tập trung, toàn bộ chứng từ và số liệu của các Chi nhánh được tập trung và hạch toán tại Văn phòng Công ty nên tại các Chi nhánh không có báo cáo riêng.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

014
NG
PH
XÂY
3-2
N-T.S

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lắp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thời hạn 50 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không vượt quá 36 tháng.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản là khoản phải nộp do được cấp quyền khai thác khoáng sản, được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa nhà xe, nhà kho xí nghiệp xây lắp, chi phí tư vấn chiến lược, chi phí sửa chữa xe máy, chi khảo sát thăm dò trữ lượng, chi phí nhà tạm công nhân được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không vượt quá 36 tháng.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá

Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá được trích lập căn cứ vào báo cáo tác động môi trường dự án khai thác mở rộng và xuống sâu cụm mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp được phê duyệt lại xuống sâu đến coste -100m tại Quyết định số 725/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Theo quyết định này, tổng dự toán chi phí phục hồi môi trường tại mỏ 3-2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

là 4.258.858.149 VND được trích trong 07 năm (2009-2015), với chi phí mỗi năm cần trích lập là 608.408.307 VND. Chi phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất chung và kết chuyển vào giá vốn trong năm.

10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 0,45% đối với công trình dân dụng và 0,19% đối với công trình hạ tầng kỹ thuật trên doanh thu lũy kế của các công trình xây lắp bàn giao trong kỳ. Chi phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất chung và kết chuyển vào giá vốn trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty.
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban quản lý điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mức trích lập được thực hiện theo Quyết định Đại hội cổ đông thường niên.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

0014
CÔNG
CỔ P
TU X
3-
AN-T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	306.849.086	221.566.985
Tiền gửi ngân hàng	4.300.907.687	9.639.761.624
Các khoản tương đương tiền ^(*)	16.021.622.083	-
Cộng	20.629.378.856	9.861.328.609

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng.

Trong đó, khoản tiền 38.000.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương.

(Điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng chuyển quyền sử dụng đất	1.058.871.000	1.511.684.000
Các khách hàng thi công công trình	92.727.265.475	115.182.507.115
Các khách hàng mua đá	3.097.230.779	2.175.838.215
Các khách hàng khác	13.893.990.302	16.503.685.943
Cộng	110.777.357.556	135.373.715.273

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp thi công công trình	2.105.913.491	773.767.571
Các nhà cung cấp khác	307.785.164	176.410.000
Cộng	2.413.698.655	950.177.571

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác	78.089.616	1.110.230.166
Tạm ứng	14.763.476.715	12.170.159.707
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.516.664.383	2.882.349.236
Cộng	18.358.230.714	16.162.739.109

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(Điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp)

6. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1.686.328.593	1.577.306.022
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	22.070.993	53.949.511
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	103.915.017	389.167.629
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	722.956.981	380.992.225
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	837.385.602	753.196.657
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>1.686.328.593</u>	<u>1.577.306.021</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	1.577.306.021
Trích lập dự phòng	109.022.572
Số cuối kỳ	<u>1.686.328.593</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.925.184.249	7.610.867.124
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.646.154.000	19.557.229.351
Thành phẩm	10.932.245.211	6.484.943.980
Thành phẩm bất động sản	22.960.207.535	27.119.942.666
Hàng gửi đi bán	-	434.451.924
Cộng	<u>65.463.790.995</u>	<u>61.207.435.045</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	64.235.470	149.090.970
Thành phẩm	37.769.883	115.624.510
Cộng	<u>102.005.353</u>	<u>264.715.480</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	264.715.480
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(162.710.127)
Số cuối kỳ	<u>102.005.353</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A Đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	22.124.963.255	53.741.569.398	21.292.261.463	1.095.612.263	98.254.406.379
Mua sắm mới	355.142.611	1.837.786.779	319.667.273		2.512.596.663
Thanh lý, nhượng bán					-
Số cuối kỳ	22.480.105.866	55.579.356.177	21.611.928.736	1.095.612.263	100.767.003.042
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.007.699.655	25.300.276.042	7.993.704.986	402.109.536	35.703.790.219
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.117.541.803	39.562.618.213	12.070.939.206	960.218.075	61.711.317.297
Khấu hao trong kỳ	391.294.400	900.911.254	430.131.658	31.916.470	1.754.253.782
Thanh lý, nhượng bán					-
Số cuối kỳ	9.508.836.203	40.463.529.467	12.501.070.864	992.134.545	63.465.571.079
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.007.421.452	14.178.951.185	9.221.322.257	135.394.188	36.543.089.082
Số cuối kỳ	12.971.269.663	15.115.826.710	9.110.857.872	103.477.718	37.301.431.963
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá	78.581.967.427	223.920.000	78.805.887.427
Số đầu năm		294.000.000	294.000.000
Số cuối kỳ	78.581.967.427	517.920.000	79.099.887.427
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.168.663.534	84.920.000	23.253.583.534
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	31.154.729.793	183.378.339	31.338.108.132
Khấu hao trong kỳ	274.545.114	33.980.557	308.525.671
Số cuối kỳ	31.429.274.907	217.358.896	31.646.633.803
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	47.427.237.634	40.541.661	47.467.779.295
Số cuối kỳ	47.152.692.520	300.561.104	47.453.253.624
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào tài sản, công cụ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản		353.806.900	(353.806.900)	-
Xây dựng và gia công tài sản, công cụ	753.452.925	1.438.482.043	(857.411.784)	1.334.523.184
Cộng	753.452.925	1.792.288.943	(1.211.218.684)	1.334.523.184

12. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng tổng hợp Bình Dương với số lượng cổ phiếu nắm giữ là 18.098 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 3,52% vốn điều lệ.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí Nhà tạm công nhân	13.714.068	-	(13.714.068)	-
Chi phí tư vấn chiến lược	378.047.222	-	(94.511.808)	283.535.414
Chi phí khảo sát thăm dò trữ lượng đá	246.171.654	-	(123.085.830)	123.085.824
Chi phí sửa chữa	426.761.381	-	(188.419.470)	238.341.911
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	2.129.094.000	7.258.889.161	(2.833.887.653)	6.554.095.508
Công cụ dụng cụ	1.518.008.307	1.035.356.077	(613.005.981)	1.940.358.403
Cộng	4.711.796.632	8.294.245.238	(3.866.624.810)	9.139.417.060

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp thi công công trình	4.636.003.233	11.025.755.047
Các nhà cung cấp khai thác đá	12.582.572.896	9.210.523.515
Các nhà cung cấp khác	6.065.914.429	8.441.450.310
Cộng	23.284.490.558	28.677.728.872

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng mua đất	1.000.000	-
Các khách hàng thi công công trình	13.394.000	4.699.163.000
Các khách hàng mua đá	1.004.294.892	1.402.393.906
Các khách hàng khác	4.065.665.231	2.404.250.124
Cộng	5.084.354.123	8.505.807.030

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT phải nộp	2.379.173.978	9.039.601.078	(9.843.842.692)	1.574.932.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	6.478.698.485	14.910.580.881	(13.648.944.465)	7.740.334.901
Thuế thu nhập cá nhân	415.091.515	828.169.320	(1.122.666.293)	120.594.542
Thuế tài nguyên	4.429.097.511	9.393.479.045	(10.231.354.411)	3.591.222.145

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	37.259.925	(37.259.925)	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	13.610.814.446	1.655.241.717	(1.735.527.459)	13.530.528.704
Cộng	27.312.875.935	35.864.331.966	(36.619.595.245)	26.557.612.656

(*) Thuế TNDN bao gồm thuế TNDN bổ sung năm 2014 là 2.731.045.725 đồng

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% cho tất cả các hoạt động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.470.319.151	43.272.828.243
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.145.549.001	910.430.151
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.331.195.597)	(313.466.939)
Thu nhập chịu thuế	55.284.672.555	43.869.791.455
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.162.627.962	9.651.354.120

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá theo giá bán bình quân sản phẩm đá hộc hàng tháng là 130.000 VND/m³ với thuế suất là 7%.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá được trích lập theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ về Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 và các khoản phụ cấp trực đêm phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công trình xây dựng	1.086.314.766	4.916.216.219
Chi phí lãi vay	-	-
Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	3.746.427.884	3.542.337.874

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá	7.258.889.161	-		
Chi phí thuê đất xí nghiệp đá	2.368.439.740	1.578.959.830		
Chi phí khác	-14.423.636	60.000.000		
Cộng	<u>14.445.647.915</u>	<u>10.097.513.923</u>		
19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	127.065.100	66.517.040		
Các đội thi công và nhà thầu phụ	4.719.586.354	4.113.196.452		
Thù lao Hội đồng quản trị	570.565.000	1.002.000.000		
Phải trả tiền bồi thường hộ dân khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	285.643.450	285.643.450		
Cô tức phải trả	15.493.155	14.140.000		
Các khoản phải trả khác	86.300.679	150.659.091		
Cộng	<u>5.804.653.738</u>	<u>5.632.156.033</u>		
20. Vay và nợ ngắn hạn				
Khoản vay thấu chi tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn.				
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.372.825.193	23.037.010.461	(26.108.338.837)	13.301.496.817
Cộng	<u>16.372.825.193</u>	<u>23.037.010.461</u>	<u>(26.108.338.837)</u>	<u>13.301.496.817</u>
21. Dự phòng phải trả ngắn hạn				
Số đầu năm		929.021.462		
Số trích lập trong kỳ		181.231.276		
Số sử dụng trong kỳ		(158.062.470)		
Số cuối kỳ		<u>952.190.268</u>		
22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.478.009.232	1.795.101.892	(1.871.886.000)	3.401.225.124
Quỹ phúc lợi	2.082.071.610	1.795.101.892	(825.180.000)	3.051.993.502
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	1.504.266.185	(1.367.896.842)	136.369.343
Cộng	<u>5.560.080.842</u>	<u>5.094.469.969</u>	<u>(4.064.962.842)</u>	<u>6.589.587.969</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	112.000.000.000	39.135.328.891	68.854.071.184	219.989.400.075
Lợi nhuận trong năm	-	-	71.804.075.684	71.804.075.684
Trích lập các quỹ trong năm	-	16.654.455.487	(21.317.703.024)	(4.663.247.537)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Số cuối năm trước	112.000.000.000	55.789.784.378	92.460.443.844	260.250.228.222
Số dư đầu năm nay	112.000.000.000	55.789.784.378	92.460.443.844	260.250.228.222
Lợi nhuận trong năm	-	-	40.576.645.464	40.576.645.464
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	19.387.100.435	(24.413.385.733)	(5.026.285.298)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Số cuối kỳ	112.000.000.000	75.176.884.813	95.183.703.575	282.360.588.388

*(Điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp)***Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	13.440.000.000	13.440.000.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	13.440.000.000	13.440.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.200.000	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

014
ÔNG
Ổ P
TƯ X
3-
AN-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Tổng doanh thu (*)	129.722.749.149	108.042.394.314
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.787.794.505	5.252.608.682
- Doanh thu bán thành phẩm	88.529.395.015	68.424.765.992
- Doanh thu xây dựng	23.608.229.090	26.566.176.453
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.162.934.910	1.372.918.887
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.866.393.600	-
- Doanh thu bán hàng hóa	6.768.002.029	6.425.924.300
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)		-
Doanh thu thuần	<u>129.722.749.149</u>	<u>108.042.394.314</u>
Trong đó:		
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.787.794.505	5.252.608.682
- Doanh thu bán thành phẩm	88.529.395.015	68.424.765.992
- Doanh thu xây dựng	23.608.229.090	26.566.176.453
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.162.934.910	1.372.918.887
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.866.393.600	-
- Doanh thu bán hàng hóa	6.768.002.029	6.425.924.300

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Giá vốn nguyên vật liệu đã tiêu thụ	4.392.732.174	4.986.051.036
Giá vốn thành phẩm đã tiêu thụ	57.311.150.475	44.530.265.708
Giá vốn hoạt động xây dựng	23.016.228.127	26.672.296.998
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	694.799.796	780.744.974
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.159.735.131	(1.296.309.736)
Giá vốn hàng hóa đã tiêu thụ	6.465.559.715	6.093.087.858
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(162.710.127)	(5.029.713)
Cộng	<u>95.877.495.291</u>	<u>81.761.107.125</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Lãi tiền gửi	1.003.981.939	1.568.271.517
Lãi khác	1.801.042	3.792.000
Cộng	<u>1.005.782.981</u>	<u>1.572.063.517</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Chi phí vận chuyển hàng bán	2.834.429.262	2.438.660.247
Chi phí nhân viên bán hàng	84.983.311	89.366.083
Cộng	<u>2.919.412.573</u>	<u>2.528.026.330</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A Đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.092.839.838	1.867.755.258
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	40.115.726	118.957.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	278.259.092	273.997.794
Thuế, phí và lệ phí	8.084.176	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	123.237.633	273.127.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.483.042	153.845.774
Chi phí khác	447.403.488	436.087.416
Cộng	<u>3.468.422.995</u>	<u>3.123.771.343</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Lệ phí chuyển nhượng nền	909.091	-
Phạt nhân viên vi phạm hành chính	-	22.154.380
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	70.000.000	34.159.121
Thu thanh lý tài sản cố định	-	720.000.000
Thu nhập khác	113.164.834	42.141.726
Cộng	<u>184.073.925</u>	<u>818.455.227</u>

7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Phạt vi phạm hành chính	47.470.131	45.080.000
Phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Chi phí khác	572.371.413	-
Cộng	<u>619.841.544</u>	<u>45.080.000</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.226.280.793	17.083.982.064
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.226.280.793	17.083.982.064
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.200.000	11.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.717</u>	<u>1.525</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 2 năm 2015</u>	<u>Quý 2 năm 2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.382.642.796	34.555.056.685
Chi phí nhân công	13.299.410.109	11.593.685.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.062.779.453	2.268.401.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.897.448.285	27.397.876.196
Chi phí khác	13.903.038.355	8.036.826.072
Cộng	<u>89.545.318.998</u>	<u>83.851.845.835</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương	Cơ quan chủ quản của Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH một thành viên
Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH một thành viên	Cổ đông giữ 51% cổ phần - trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương

Trong kỳ, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương</i>		
Lãi vay phải trả	-	292.967.000

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động xây dựng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động sản xuất (thành phẩm: đá, công, gạch...).
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (bán hàng hóa, bất động sản và dịch vụ cho thuê ca máy,...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây dựng</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Quý 2 năm 2015				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23.608.229.090	88.529.395.015	17.585.125.044	129.722.749.149
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.608.229.090	88.529.395.015	17.585.125.044	129.722.749.149
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	592.000.963	31.218.244.540	2.035.008.355	33.845.253.858
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.387.835.568)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				27.457.418.290
Doanh thu hoạt động tài chính				1.005.782.981

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí tài chính				(864.133)
Thu nhập khác				184.073.925
Chi phí khác				(619.841.544)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.800.288.726)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				19.226.280.793
Quý 2 năm 2014				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.566.176.453	73.677.374.674	7.798.843.187	108.042.394.314
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.566.176.453	73.677.374.674	7.798.843.187	108.042.394.314
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(106.120.545)	24.161.057.930	2.226.349.804	26.281.287.189
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.651.797.673)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.629.489.516
Doanh thu hoạt động tài chính				1.572.063.510
Chi phí tài chính				(72.033.737)
Thu nhập khác				818.455.227
Chi phí khác				(45.080.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.098.912.459)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				17.803.982.064

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



Đỗ Việt Cường
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

**CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **32**/CV-HĐQT

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2015

(V/v: giải trình lợi nhuận sau thuế
quý 2/2015 tăng 14% so với cùng kỳ
năm trước)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Mã chứng khoán: C32

Địa chỉ trụ sở chính: 45A Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã
Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3759446 **Fax :** 0650.3755605

Căn cứ: Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây
dựng 3-2.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 xin giải trình về việc chênh lệch tăng
14% lợi nhuận sau thuế quý 2/2015 so với quý 2/2014 như sau:

❖ **Lợi nhuận sau thuế quý 2/2015: 19.226.280.793 đồng**

❖ **Lợi nhuận sau thuế quý 2/2014: 16.792.860.470 đồng**

Nguyên nhân:

Thị trường thuận lợi và Công ty đã đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm nên
doanh thu quý 2/2015 một số lĩnh vực kinh doanh chính đều tăng so với cùng kỳ
năm 2014, tổng doanh thu tăng 21.6 tỷ đồng đạt 129,7 tỷ đồng, tăng 20% so với
cùng kỳ năm 2014. Đặc biệt trong đó lĩnh vực khai thác chế biến đá xây dựng tăng
mạnh cả về sản lượng khai thác và tiêu thụ. Doanh thu sản lượng đá tăng 15 tỷ
đồng. Doanh thu tăng chủ yếu ở các sản phẩm có giá bán và biên lợi nhuận cao,
công suất khai thác chế biến đá đã đạt tối ưu nên làm lãi gộp sản phẩm đá tăng
thêm 5 tỷ.



Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh dẫn đến tăng lợi nhuận trong báo cáo tài chính quý 2/2015 so với quý 2/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2./.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *R*



Võ Văn Lĩnh

